

Bản án số: **10/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 27 - 03 - 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông : Nguyễn Triệu Tỷ.

2. Bà : Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Y**, sinh năm 1984. Địa chỉ: số C, ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Chen Chien M**, sinh năm 1960. Địa chỉ: số A, Đ, Lộ Trung Hoa B, khóm D, phường H, Khu B, thành phố Đ, Đài Loan. (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Y trình bày: Qua sự giới thiệu của người thân, bà Trần Thị Y và ông Chen Chien M quen biết nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, hai bên có tình cảm với nhau. Được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, ông Chen Chien M đã đến Việt Nam đăng ký kết hôn với bà, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp ngày 03/01/2019, có tổ chức lễ cưới tại thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi tổ chức lễ cưới, ông Chen Chien M đã trở về Đài Loan (Trung Quốc) và hứa sẽ làm thủ tục bảo lãnh bà Trần Thị Y sang Đài Loan để vợ chồng đoàn tụ. Từ năm 2019 đến nay ông Chen Chien M có liên lạc thường xuyên với bà Y qua điện thoại và có làm thủ tục để bảo lãnh bà Y nhưng do bà Y phỏng vấn không đạt yêu cầu nên không được ông Chen Chien M bảo lãnh sang Đài Loan, thời gian kéo dài đến nay hơn 03 năm. Do bà Trần Thị Y phỏng vấn không đạt nên không có cơ hội xuất cảnh sang Đài Loan (Trung Quốc) để đoàn tụ với chồng. Thời gian chờ đợi quá lâu nên tình cảm giữa hai người cũng bị ảnh

hưởng, không thể tiếp tục chờ đợi được. Ông Chen Chien M cũng đồng ý thuận tình ly hôn với bà Y với lý do văn hóa hai nước khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã với nhau. Vợ chồng cũng không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Vì vậy, bà Trần Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: bà Trần Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông Chen Chien M.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, bà Trần Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay công việc của bà Y có công việc làm ăn xa bận rộn không thể có mặt mỗi khi Tòa án triệu tập nên làm đơn đề nghị Tòa án Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà cam kết không khiếu nại về sau.

Theo giấy đồng ý ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt cùng đề ngày 04/10/2022 bị đơn ông Chen Chien M trình bày:

Vào ngày 03/01/2019 ông và bà Trần Thị Y kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nhưng chưa đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan. Sau khi kết hôn do mỗi người một nơi, văn hóa hai nước khác nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, ông không về Việt Nam phỏng vấn, do quan niệm sống không giống nhau nên ông quyết định ly hôn. Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Y; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc ở Đài Loan xa xôi và bận nên ông không thể về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn với bà Trần Thị Y, đồng thời ông không thể tham gia hòa giải và cũng không dự phiên tòa. Vì vậy, ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và trong phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà Trần Thị Y và ông tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông Chen Chien M; bà Trần Thị Y và ông Chen Chien M không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và không yêu cầu trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn. Ông Chen Chien M là người nước ngoài (quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan)) nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý và xác định quan hệ pháp luật để giải quyết là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Ngày 06/3/2023 nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu được vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Chen Chien M là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Y và ông Chen Chien M là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà Y và ông Chen Chien M sống xa cách nhau, do phỏng vấn không đạt nên không thể về chung sống cùng nhau và từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, văn hóa nên thường xuyên cự cãi tình cảm giữa vợ chồng cũng không còn như trước nên bà Y quyết định ly hôn. Hiện nay, cả bà Y và Chen Chien M đều xác định giữa hai người đã không còn tình cảm với nhau và muốn ly hôn. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà Y và ông Chen Chien M không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo bà Y yêu cầu ly hôn với ông Chen Chien M thì ông Chen Chien M cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Y xin được ly hôn với Chen Chien M là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà Y được ly hôn với ông Chen Chien M.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Theo lời trình bày của bà Trần Thị Y và ông Chen Chien M thì giữa hai người không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Bà Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Chen Chien M.

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Y phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0007502 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Bà Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chi phí ủy thác tư pháp: Bà Trần Thị Y phải chịu là 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số: 0060678 ngày 27/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà Trần Thị Y đã nộp đủ chi phí ủy thác tư pháp.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND thị xã Vĩnh Châu (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa GĐ-NCTN (02).

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy